

		Ngày nộp đơn		Năm Tháng Ngày	
Địa chỉ 住所		安城市 横山町 下毛賀知 1 3 番地 1			
Người nộp đơn 申請者 (Phụ huynh) (保護者)		Tôi đồng ý để Ủy ban giáo dục thành phố Anjō xác nhận các điều kiện thuê cư trú của tôi và các thành viên trong hộ gia đình như là điều kiện để được hưởng học bổng chi phí học phí. 就学援助費支給申請の認定に当たり、安城市教育委員会が私及び世帯員の市県民税、市県民税台帳等を 認定資料として確認することを承諾し、申請します。			
Phụ huynh (người nộp đơn) vui lòng tự điền		Họ tên フリガナ 氏名		アン ジョウ キョ コ子 (※)	
		(※) Nếu người nộp đơn không viết tay, xin vui lòng ký tên và đóng dấu. 本人が手書きしない場合は、記名押印してください。			
Tình hình gia đình (bao gồm cả người giám hộ).	Họ và tên 氏名	Mối quan hệ 続柄	Số cá nhân 個人番号	Ngày sinh 生 年 月 日	Nghề nghiệp hoặc tên trường và lớp học 職業又は学校名及び学年
	安城 清子	Người nộp đơn 本人	*****	年 月 日	スーパー安城(パート)
	安城 二郎	長男	*****	年 月 日	安城中学校 3年
	安城 洋子	長女	*****	年 月 日	安城小学校 5年
	安城 幸子	次女	*****	年 月 日	安城小学校 1年
	安城 良子	母	*****	年 月 日	無 職
Nếu có thể, hãy điền số My number của bạn.		Xin vui lòng khoanh tròn mục phù hợp.			
申 請 理 由 Lý do đăng ký	1. Đang nhận trợ cấp xã hội. (生活保護を受給している)				
	2. Trợ cấp xã hội đã bị ngừng hoặc chấm dứt. (生活保護が停止又は廃止された)				
	3. Thuế cư trú của thành phố và huyện đã được miễn. (市町村民税が非課税であった)				
	4. Thuế cư trú của thành phố và huyện đã được giảm. (市町村民税が軽減された)				
	5. Thuế kinh doanh cá nhân đã được giảm. (個人の事業税が軽減された)				
	6. Thuế bất động sản đã được giảm. (固定資産税が軽減された)				
	7. Thuế bảo hiểm y tế quốc dân đã được giảm. (国民健康保険料が軽減された)				
	8. Phí bảo hiểm y tế quốc dân đã được giảm hoặc hoãn thu. (国民健康保険料が徴収猶予された)				
	9. Phí bảo hiểm hưu trí quốc dân đã được miễn. (国民年金料が免除された)				
	10. Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em đã được cấp. (児童扶養手当が支給された)				
	11. Đã nhận khoản vay từ Quỹ phúc lợi xã hội. (生活福祉資金が貸付された)				
⑫ Khác (Vui lòng ghi rõ cụ thể.) (その他 (具体的に記入してください))					
※Nếu bạn không chắc chắn mình thuộc mục nào từ 1 đến 11, xin vui lòng ghi rõ lý do vào mục 12.					
年 月 日					
学校長					
Xin đừng điền gì cả.					